

Bản án số: 154/2019/HS-PT
Ngày: 27-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Lê Khắc Thịnh
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Huỳnh Thanh Mỹ
	Ông Trương Phước Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành H, Đoàn Văn Đ, kháng cáo của bị hại Dương Thị Ngọc L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thành H**, sinh năm: 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký thường trú: Khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 19XX và bà Võ Thị V, sinh năm 19XX (đã chết); Vợ: Dương Thị Ngọc L, sinh năm 19XX; Có 02 con, con lớn 14 tuổi, con nhỏ 11 tuổi; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09 tháng 4 năm 2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành H là luật sư Phan Hòa N - Chi nhánh Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

2. **Đoàn Văn Đ**, sinh năm: 19XX, tại V; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Đoàn Hồng T, sinh

năm 19XX và bà Tiêu Thị G, sinh năm 19XX (đã chết); Vợ: Võ Thị Đ1, sinh năm 19XX; Có 03 con, lớn nhất 31 tuổi, con nhỏ nhất 28 tuổi; Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09 tháng 4 năm 2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn Đ là Luật sư Lê Hữu P - Văn phòng luật sư L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- Bị hại:

1. Nguyễn Thành H, sinh năm 19XX (có mặt);
2. Dương Thị Ngọc L, sinh năm 19XX (có mặt);
Cùng cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đ.
3. Đoàn Văn X, sinh năm 19XX (có mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Văn N1, sinh năm 19XX (vắng mặt);
2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 19XX (vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đ.
3. Đoàn Văn X1, sinh năm 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.

- Người làm chứng:

1. Đoàn Thị Kỳ A, sinh ngày XX/XX/2XXX (vắng mặt);
Người đại diện hợp pháp cho Kỳ A là bà Trần Thị Thu T (mẹ ruột của Kỳ A), sinh năm 19XX (vắng mặt).
2. Trần Thị Thu T2, sinh năm 19XX (vắng mặt);
3. Đoàn Minh T3, sinh năm 19XX (vắng mặt);
4. Lâm Văn N2, sinh năm 19XX (vắng mặt);
5. Đoàn Thị T4, sinh năm 19XX (vắng mặt);
6. Nguyễn Văn T5, sinh năm 19XX (vắng mặt);
7. Lê Thị Mỹ Q, sinh năm 19XX (có mặt);
8. Dương Thị Ngọc L2, sinh năm 19XX (có mặt);
9. Bùi Phước H1, sinh năm 19XX (vắng mặt);
10. Nguyễn Thị N3, sinh năm 19XX (vắng mặt);
11. Bùi Thị Ngọc G1, sinh năm 19XX (có mặt);
12. Lâm Chí L3, sinh năm 19XX (vắng mặt);
13. Bùi Văn M, sinh năm 19XX (vắng mặt);
14. Trần Văn D, sinh năm 19XX (có mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đ.
15. Lê Thị Bích L4, sinh năm 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đ.
16. Huỳnh Văn S, sinh năm 19XX (vắng mặt);
17. Đoàn Văn H2, sinh năm 19XX (vắng mặt).
Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.
18. Đoàn Văn Đ2, sinh năm 19XX (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.

- *Người giám định:* Ông Nguyễn Việt T - Bác sĩ Trung tâm pháp y tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: khóm M, phường M, Thành phố C, tỉnh Đ.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại Đoàn Văn X, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 28/8/2017, sau khi dự đám giỗ tại nhà của ông Đoàn Văn X ở xã B, thị xã H, thì ông X cùng với Đoàn Văn Đ và các ông Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 (có mối quan hệ em và cháu vợ với ông T1) và anh Huỳnh Văn S cùng đến xã T, thị xã H thăm mộ con của ông T1. Sau khi thăm mộ xong, Đ cùng với ông X1 và X quay về nhà ông T1 có đi ngang qua bờ hằm nuôi cá thuộc phần đất của Nguyễn Thành H ở ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Đ. Do có mâu thuẫn từ trước với ông T1 nên khi nhìn thấy những người này, H có lên tiếng cấm không cho đi qua nên xảy ra cự cãi với Đ.

Lúc này, H từ trong sân nhà đi ra, trên tay cầm một đoạn cây kim loại dài 1,05 mét có một đầu tròn và một đầu dẹp (thường gọi là sổng tự chế), đánh trúng vào tay phải và vùng mào phải của ông X gây thương tích. Thấy ông X bị đánh nên ông X1 xông vào giật đoạn cây kim loại với H. Chị Dương Thị Ngọc L là vợ của H cũng vào can ngăn. Khi đó, Đ chạy vào sân nhà H nhặt một đoạn cây gỗ (có đóng 03 cây đinh bằng kim loại về một cạnh) dài 0,8 mét đánh trúng nhiều cái vào người H và chị L gây thương tích, làm đoạn cây gỗ gãy thành ba đoạn. Khi đó, ông X1 vẫn đang giằng co đoạn cây kim loại với H và chị L, làm H và chị L té xuống hằm cá. Đ ném bỏ đoạn cây gỗ lại tại nơi đánh nhau và kêu ông X1 đi về nhà ông T1. Sau đó, ông X, chị L và H được mọi người đưa đi Bệnh viện điều trị. Đến ngày 08/9/2017, chị L và H có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với các ông Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 và Đoàn Văn Đ. Ngày 04/10/2017, ông X có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Thành H.

Về vật chứng: Đã thu giữ các vật liên quan như sau:

- 01 (Một) đoạn cây gỗ có kích thước (80 x 3,5 x 3,5)cm, đoạn cây gỗ trên bị gãy thành ba đoạn rời ra, trên ba đoạn cây gỗ bị gãy có nhiều lỗ (cây bị mục), trên ba đoạn cây gỗ bị gãy có đóng ba cây đinh (kim loại) trên cùng một cạnh, ba cạnh còn lại không có đóng đinh, khi nối ba đoạn cây gỗ bị gãy trên lại có tổng chiều dài là 80cm (tám mươi xentimet);

- 01 (Một) đoạn cây gỗ loại gỗ vuông kích thước (82 x 6 x 6)cm, đoạn cây gỗ trên bị gãy thành ba đoạn rời ra, trên ba đoạn cây gỗ bị gãy có nhiều lỗ (cây bị mục), khi nối ba trên ba đoạn cây gỗ bị gãy trên lại có tổng chiều dài là 82cm (Tám mươi hai xentimet);

- 01 (Một) đoạn cây kim loại có chiều dài 105cm (Một trăm lẻ năm

xentimet), có đường kính 03cm (Ba xentimet), một đầu dẹp, một đầu tròn, nơi lớn nhất của đầu dẹp là 14cm (Mười bốn xentimet), nơi nhỏ nhất của đầu dẹp là 10cm (Mười xentimet), lưỡi sắc. Đoạn cây kim loại này do chị Dương Thị Ngọc L2 giao nộp.

Căn cứ Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số: 302/TgT, ngày 12/10/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của **Đoàn Văn X** như sau: “*Chấn thương phần mềm đốt II ngón 4 bàn tay phải không để lại di chứng; Sẹo vết thương phần mềm đuôi mày phải lành xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Đoàn Văn X do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm). Tổn thương trên do vật có cạnh sắc bén gây ra*”.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 304/TgT, ngày 12/10/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Thị Ngọc L như sau: “*Chấn thương phần mềm vùng đầu còn sưng nề nhẹ; Sẹo sâu sát da căng tay trái sẹo lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Thị Ngọc L do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm). Chấn thương trên do vật tày gây ra*”.

Căn cứ Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 303/TgT, ngày 12/10/2017 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đ, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thành H như sau: “*Đa chấn thương phần mềm không để lại di chứng; Sẹo vết thương phần mềm đỉnh - thái dương phải lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thành H do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02% (hai phần trăm). Tổn thương trên do vật có cạnh sắc bén gây ra*”.

Quá trình điều tra, Đoàn Văn Đ đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Riêng đối với Nguyễn Thành H, không thừa nhận hành vi cầm đoạn cây bằng kim loại đánh Đoàn Văn X gây thương tích. Mặt khác, Nguyễn Thanh H và Dương Thị Ngọc L cho rằng, ngoài Đoàn Văn Đ đánh gây thương tích còn có các ông Đoàn Văn X, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 là người trực tiếp đánh gây thương tích. Nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Viện kiểm sát không xem xét đến trách nhiệm hình sự hay dân sự đối với những người này.

Ngoài ra, chị Dương Thị Ngọc L cho rằng khi bị các ông Đoàn Văn X, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 và bị cáo Đoàn Văn Đ đánh thì bị mất một một số tài sản như: 01 điện thoại di động, 01 chiếc bông tai, số tiền trên 5.000.000 đồng nhưng chị Liên không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu bồi thường.

Đối với ông Đoàn Văn X1, trong lúc Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ đánh nhau, ông có giằng co giật đoạn cây kim loại với H và chị L, nhưng không tham gia đánh nên Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông X1.

Tại bản án số 05/2019/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đoàn Văn Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị cáo Nguyễn Thành H số tiền là 8.798.000 đồng (tám triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng). Bồi thường cho bị hại Dương Thị Ngọc L là 9.177.000 đồng (chín triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Đoàn Văn X là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thành H có đơn kháng cáo kêu oan. Bị hại Dương Thị Ngọc L kháng cáo cho rằng án sơ thẩm bỏ lọt tội phạm vì không phải chỉ bị cáo Đoàn Văn Đ đánh gây thương tích cho chị mà còn có Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn H2, Đoàn Văn Đ2 và Đoàn Văn X cùng tham gia đánh chị. Đồng thời, bị hại L còn cho rằng chồng của chị là Nguyễn Thành H hoàn toàn không có đánh ai trong vụ án này nên đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét tuyên hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung thêm hành vi của 05 đối tượng nêu trên và giải oan cho chồng của chị.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, bị cáo Đoàn Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H có kháng nghị số 01/KNPT-VKS với nội dung kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HSST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã H, đề nghị Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa phần áp dụng pháp luật hình sự, áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thay thế Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “nhân thân chưa có tiền án, tiền sự” cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định kháng nghị số 01/KNPT-VKS ngày 04/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H cho rằng hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành H, Đoàn Văn Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ và khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Nguyễn Thành H và bị hại Dương Thị Ngọc L kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không phạm tội. Căn cứ vào kết luận giám định, căn cứ vào cơ chế hình thành vết thương, căn cứ vào lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ tại hiện trường có đủ cơ sở cho rằng Nguyễn Thành H dùng thanh kim loại gây thương tích cho ông Đoàn Văn X là phù hợp.

Đối với kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, xét thấy, giữa bị cáo Đ và bị cáo H không có mâu thuẫn từ trước do bệnh vực người thân, bị cáo dùng cây gây thương tích cho H và L với tỷ lệ thương tật cho mỗi người là 2%. Xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đ có cung cấp biên lai thu tiền án phí và khắc phục bồi thường cho bị hại một phần, nhưng xét thấy mức án cấp sơ thẩm tuyên là phù hợp, những tình tiết mới này là nghĩa vụ mà bị cáo Đ phải thực hiện.

Đối với kháng nghị số 01 ngày 04/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H về việc áp dụng pháp luật, căn cứ Nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, áp dụng tình tiết có lợi cho các bị cáo, nên áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo là phù hợp và có căn cứ. Đối với bị cáo H, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự cấp sơ thẩm chưa xem xét để nhận định và áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là thiếu sót.

Từ nhận định trên, căn cứ vào Điều 356, 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành H, Đoàn Văn Đ và bị hại Dương Thị Ngọc L, y án sơ thẩm về mức hình phạt.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H về áp dụng quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thay thế Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích”; đồng thời áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thành H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H phát biểu quan điểm không thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không thống nhất với quan điểm truy tố trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H cũng như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo H bởi ngay từ đầu bị cáo H đã không thừa nhận hành vi phạm tội. Những người có lời khai cho rằng bị cáo H phạm tội đều có mâu thuẫn với bị cáo. Cụ thể là cháu A, cháu A

thay đổi lời khai 04 lần nhưng biên bản phiên tòa không thể hiện. Duy nhất chỉ có lời khai của bà Bích L4 là tương đối khách quan nhưng bà L4 vắng mặt tại phiên tòa. Chúng tôi có xuất trình đoạn ghi âm bà L4, đoạn ghi âm cũng được mở nhưng chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không quan tâm. Chúng tôi thấy rằng, lời khai buộc tội bị cáo H là không khách quan. Hơn nữa, bị cáo H và chị L bị đa chấn thương phần mềm, chúng tôi một mình bị cáo Đ không thể gây ra được. Vết thương trên đầu của H do vật sắc, nhọn gây ra nhưng kết luận giám định pháp y cho rằng Đ đánh bằng khúc gỗ có đóng 03 cây đinh bằng kim loại về một cạnh là chưa phù hợp. Bị cáo H đã nhiều lần đề nghị giám định lại tỷ lệ thương tật nhưng không được chấp nhận. Với vết thương hở ở đỉnh đầu mà tỷ lệ chỉ 02% là chưa phù hợp. Mặt khác, về tương quan lực lượng, 06 người vây đánh H, H lo đờ không kịp thì làm gì có chuyện đánh ai được. Khi Công an xã đến thì bên nhóm ông T1 ẩu đả với Công an, Công an phải nổ hai phát súng chỉ thiên. Hồ sơ không thể hiện việc này do bị cắt xén và có hay không vết thương của ông X là kết quả từ việc giằng co, ẩu đả với Công an mà ra. Chung quy, bị cáo H không phạm tội, thương tích của H và L là do nhiều người gây nên, án sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm.

Trong phần tranh luận, bị cáo H thống nhất với lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo. Bị cáo không thừa nhận hành vi gây thương tích cho bị hại Đoàn Văn X, bị cáo bị oan. Bị cáo cho thương tích của vợ chồng bị cáo là do cả nhóm gồm 6 người gồm Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn X, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn T1 do Nguyễn Văn T1 chủ mưu đến đánh vợ chồng H để trả thù về mâu thuẫn trước đó giữa gia đình bị cáo với vợ chồng ông T.

Cùng quan điểm với bị cáo Hiếu, bị hại Dương Thị Ngọc L cho rằng: Ngày xảy ra sự việc vợ chồng chị bị gây thương tích, giữa vợ chồng chị với nhóm ông Nguyễn Văn T1 gồm ông Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 không có cớ cãi qua lại trước, mà do nhóm của ông T1 đã có dự mưu từ trước đến đánh vợ chồng chị. Khi đến nơi thì ông T là người nắm cổ áo của chồng chị là bị cáo Nguyễn Thành H, một tay cầm khúc gỗ vuông để đánh, chồng chị bỏ chạy thì ông T1 ném cây theo trúng vào chân chồng chị làm cho chồng chị té ngã, sau đó cả nhóm của ông T1 gồm 6 người như nêu trên dùng hung khí gồm dao, súng, cây (nhưng không rõ ai cầm hung khí gì) cùng đánh tới tấp chồng chị. Thấy chồng chị bị đánh nên chị nằm lên trên ôm người chồng chị để chịu đòn tiếp. Thương tích của vợ chồng chị là do nhóm của ông T1 gồm 6 người nêu trên gây ra. Sáu người gây thương tích cho vợ chồng chị thì 01 người là bị cáo, 01 người là bị hại, 04 người làm chứng là chưa khách quan. Người làm chứng tên T3 và A đều có mâu thuẫn với gia đình chị. Vợ chồng chị bị oan, cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ phát biểu quan điểm thống nhất với án sơ thẩm cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo Đ. Đồng thời, vị luật sư cũng nêu ra những tình tiết mới như bị cáo nhất thời phạm tội do thấy em mình bị đánh chảy máu.

Bị cáo không chuẩn bị hung khí từ trước mà thấy gì lấy đó nên lấy nhầm cây mục có đóng đinh chứ không cố ý lấy cây có đinh. Trong quá trình điều tra cũng như tại các phiên tòa sơ, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình của bị cáo có người thân tham gia cách mạng. Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo đã hai lần nộp tiền khắc phục thiệt hại cho phía bị hại tại cơ quan Thi hành án dân sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng và hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Đ thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư bào chữa cho bị cáo, không bổ sung gì thêm, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Bị hại Đoàn Văn X không tham gia tranh luận, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã rõ ràng và sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành H cho rằng bị cáo không phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo không thừa nhận hành vi gây thương tích cho bị hại Đoàn Văn X. Bị cáo và vợ của bị cáo là bị hại Dương Thị Ngọc L đều cho rằng nhóm của bị cáo Đoàn Văn Đ, gồm Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn X, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn T1 do Nguyễn Văn T1 chủ mưu đến đánh vợ chồng H để trả thù về mâu thuẫn trước đó giữa gia đình bị cáo với vợ chồng ông T1. Thương tích của vợ chồng bị cáo là do cả nhóm gồm 6 người có tên như trên gây ra nên yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của 6 người trên theo quy định pháp luật và buộc họ phải bồi thường về dân sự. Đồng thời, bị cáo H còn cho rằng tỷ lệ thương tật theo kết luận giám định là chưa chính xác, yêu cầu giám định lại vì bản thân bị đến 6 người đánh.

Riêng bị cáo Đoàn Văn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo xác định thương tích của bị cáo Nguyễn Thành H và Dương Thị Ngọc L là do

một mình bị cáo gây ra, các ông Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn H2 không tham gia đánh bị cáo H và bị hại L. Việc bị cáo đánh Nguyễn Thành H là do thấy bị cáo H đánh em của bị cáo là Đoàn Văn X gây thương tích nên bị cáo không kiềm chế được mới đánh lại. Bị cáo khẳng định án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã có đủ cơ sở xác định: Chiều ngày 28/8/2017, ông Đoàn Văn X cùng với bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2, Huỳnh Thanh S những người này có mối quan hệ em và cháu vợ với ông T1, đi thăm mộ con của ông T1. Sau khi thăm mộ xong, bị cáo Đ cùng với ông X1 và X quay về nhà ông T1 thì đi ngang qua bờ hằm nuôi cá thuộc phần đất của bị cáo Nguyễn Thành H. Do có mâu thuẫn từ trước với ông T1 nên khi nhìn thấy những người này, H có lên tiếng cấm không cho những người này đi qua nên xảy ra cự cãi với Đ. Thấy vậy nên ông X đến can ngăn thì H chạy vào sân nhà của bị cáo lấy thanh kim loại dài 1,05 mét có một đầu tròn và một đầu dẹp (thường gọi là sống tự chế), đánh trúng vào tay phải và vùng mào phải của ông Xem gây thương tích. Thấy ông X bị đánh nên ông X1 xông vào giật đoạn cây kim loại với H. Chị Dương Thị Ngọc L là vợ của H cũng vào can ngăn. Khi đó, Đ chạy vào sân nhà H nhặt một đoạn cây gỗ có đóng 03 cây đinh bằng kim loại về một cạnh, dài 0,8 mét đánh trúng nhiều cái vào người H và chị L gây thương tích, làm đoạn cây gỗ gãy thành ba đoạn. Khi đó, ông X1 vẫn đang giằng co đoạn cây kim loại với H và chị L, làm H và chị L té xuống hằm cá. Đ ném bỏ đoạn cây gỗ lại tại hiện trường và kêu ông X1 đi về nhà ông T1. Sau đó, ông X, chị L và H được mọi người đưa đi Bệnh viện điều trị.

Như vậy, tại hiện trường lúc xảy ra vụ việc, chỉ có bị cáo H cầm cây sống tự chế bằng kim loại và bị cáo Đ cầm đoạn gỗ có đóng 03 cây đinh bằng kim loại về một cạnh, ngoài ra không còn ai cầm vật gì khác. Và lúc này tại hiện trường có mặt Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Nguyễn Thành H và Dương Thị Ngọc L; các ông Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 và Nguyễn Văn T1 đều không có mặt tại hiện trường. Điều này phù hợp với lời khai của bị cáo Đ, phù hợp với lời khai của bị hại X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ án; kết luận giám định Pháp y về thương tích đối với các bị hại, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của các bị hại, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định chính bị cáo Nguyễn Thành H đã dùng cây sống bằng kim loại gây thương tích cho bị hại Đoàn Văn X với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%. Còn bị cáo Đoàn Văn Đ đã dùng đoạn cây gỗ có đóng 03 cây đinh bằng kim loại về một cạnh, dài 0,8 mét đánh trúng nhiều cái vào người H và chị L gây thương tích cho bị cáo H với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02% và gây

thương tích cho bị hại Dương Thị Ngọc L với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Đ và khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo H. Nhưng do thời điểm phạm tội của các bị cáo và thời điểm xét xử vụ án là thời điểm chuyển giao giữa Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Theo đó, tại khoản 1 Điều 134 tội “Cố ý gây thương tích” trong Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt bằng với quy định tại khoản 1 Điều 104 tội “Cố ý gây thương tích” Bộ luật hình sự năm 1999 và tại khoản 2 Điều 134 tội “Cố ý gây thương tích” trong Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại khoản 2 Điều 104 tội “Cố ý gây thương tích” Bộ luật hình sự năm 1999. Cho nên áp dụng Bộ luật hình sự hiện hành để xử lý đối với các bị cáo theo tinh thần của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xét thấy, hành vi của các bị cáo Đoàn Văn Đ đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Nguyễn Thành H đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Các bị cáo đều nhận thức được cây suông tự chế bằng kim loại và đoạn gỗ có đóng 03 cây đinh bằng kim loại về một cạnh, dài 0,8 mét là hung khí nguy hiểm, nhận thức được hành vi dùng cây suông và đoạn gỗ nêu trên đánh vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện và hậu quả đã xảy ra làm cho ông Đoàn Văn X bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%, bị cáo H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02% và bị hại Dương Thị Ngọc L bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%, chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ cùng về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo H và theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan ức gì cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thành H kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên đã chứng minh hành vi của bị

cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Do bị cáo H đã phạm tội cố ý gây thương tích cho bị hại Đoàn Văn X nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Đoàn Văn X theo quy định pháp luật.

Riêng phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H và bị hại Dương Thị Ngọc L cho rằng do thương tích của bị cáo H và bị hại L là do Đoàn Văn Đ, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn X, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn T1 gây ra nên yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn X, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn T1 theo quy định pháp luật và buộc họ phải bồi thường về dân sự. Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các ông Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 không thừa nhận việc đánh H và L, chỉ có bị cáo Đoàn Văn Đ thừa nhận thương tích của bị cáo H và chị L là do một mình bị cáo gây ra. Ngoài ra không còn chứng cứ gì khác để chứng minh các ông Nguyễn Văn T1, Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn H2 có hành vi đánh bị cáo H và bị hại L. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T, Đoàn Văn X, Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2 và Đoàn Văn H2. Bị cáo H và bị hại L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới ngoài các căn cứ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận phần kháng cáo này của bị cáo H cũng như yêu cầu kháng cáo của bị hại L, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo H và luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng tỷ lệ thương tật của bị cáo theo kết luận giám định là chưa chính xác vì bản thân bị đến 6 người đánh bầm dập và với vết thương hở ở đỉnh đầu mà tỷ lệ chỉ 02% là chưa phù hợp, yêu cầu được giám định lại. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra, bị cáo H được thông báo về kết luận giám định tỷ lệ thương tích cơ thể của mình nhưng bị cáo không khiếu nại hoặc có ý kiến gì về Bản kết luận giám định. Trong giai đoạn xét xử, bị cáo yêu cầu giám định lại nhưng bị cáo không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh Bản kết luận giám định số 303/TgT ngày 12/10/2017 là không khách quan, không chính xác theo quy định tại Điều 211 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, giám định viên đã giải thích và khẳng định Bản kết luận giám định pháp y số 303/TgT ngày 12/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Thành H do thương tích gây ra tại thời điểm giám định là 02%. Tổn thương trên do vật có cạnh sắc bén gây ra” là chính xác và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giám định lại thương tích của bị cáo H cũng như không chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo H đồng thời xác định Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 303/TgT ngày 12/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ đối với bị cáo Nguyễn Thành H là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì luật sư bào chữa cho bị cáo H còn cho rằng hồ sơ không thể hiện sự việc

nhóm ông Tiêm ấu đã với Công an xã, Công an phải nổ súng chỉ thiên là đã bị cắt xén. Tuy nhiên, tình tiết này không phải là tình tiết chứng minh hành vi phạm tội trong vụ án này nên không xem xét.

Đối với bị cáo Đoàn Văn Đ, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo bổ sung kháng cáo xin được hưởng án treo, có cung cấp biên lai nộp tiền án phí và khắc phục bồi thường cho phía bị hại một phần. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tình tiết mới này là nghĩa vụ mà bị cáo Đ phải thực hiện, không phải là căn cứ để áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mức án mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi phạm tội do bị cáo gây và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đ.

Đối với kháng nghị số 01 ngày 04/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đề nghị Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa phần áp dụng pháp luật hình sự, áp dụng Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thay thế Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên nên không chấp nhận. Riêng về nhân thân của bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình để nuôi con còn nhỏ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét để nhận định và áp dụng cho bị cáo H là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Do đó, phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo H là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo H.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của các bị cáo và người bị hại là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là có căn cứ một phần như Hội đồng xét xử đã nhận định phần trên nên chỉ chấp nhận một phần đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Xét lời bào chữa của vị luật sư cho bị cáo Nguyễn Thành H cũng như lời bào chữa của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn Đ là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo H, Đ và bị hại L không được chấp nhận nên các bị cáo và bị hại L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thành H. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H và bị hại Dương Thị Ngọc L yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của Đoàn Văn X1, Đoàn Văn Đ2, Đoàn Văn X, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn T1 và buộc họ phải bồi thường về dân sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Đoàn Văn Đ. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị số: 01/KNPT-VKS ngày 04/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, sửa án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Thành H.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành H và Đoàn Văn Đ cùng phạm tội ‘Cố ý gây thương tích’.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Đoàn Văn X là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Đoàn Văn Đ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị cáo Nguyễn Thành H số tiền là 8.798.000 đồng (tám triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại sức khỏe cho bị hại Dương Thị Ngọc L số tiền 9.177.000 đồng (chín triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người bị yêu cầu thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành H, Đoàn Văn Đ và bị hại Dương Thị Ngọc L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh
- TA-VKS-THADS thị xã H;
- CQCSĐT Công an thị xã H;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh